

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Nguyễn Văn C** - Sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị **Mai Thị N** - Sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Mai Thị N thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh C, chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Mai Thị N có một người con chung là Nguyễn Phước T - Sinh ngày 10 tháng 12 năm 2013, hiện đang sống chung với chị N. Anh C và chị N thống nhất với nhau là chị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh C, chị N là phù hợp với quy định tại các điều 55, 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn C, chị Mai Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn C, chị Mai Thị N trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn C, chị Mai Thị N tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1) Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Mai Thị N thuận tình ly hôn. Anh C, chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2) Về con chung:

1.2.1. Chị Mai Thị N được quyền tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn C là: Nguyễn Phước T - Sinh ngày 10/12/2013 (hiện đang sống chung với chị N) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Anh C, chị N thống nhất với nhau là anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.2.2. Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Mai Thị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn C.

1.2.3. Vì lợi ích của con chung, anh Nguyễn Văn C, chị Mai Thị N hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3) Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn C, chị Mai Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4) Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn C, chị Mai Thị N trình bày là không có nên không xem xét.

2/ Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn C, chị Mai Thị N tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh C, chị N đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000899 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; anh C, chị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Anh Nguyễn Văn C (01 bản);
- Chị Mai Thị N (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên